**PHỤ LỤC SỐ 01**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2023/TT-NHNN ngày 12/10/2023*

*của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**Đơn vị báo cáo: …….**

**BÁO CÁO SỐ DƯ DỰ TRỮ NGOẠI HỐI NHÀ NƯỚC**

*(Ngày ….tháng….năm….)*

*Đơn vị: USD*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Chỉ tiêu** | **Số dư** |
| **1** | **Quỹ Dự trữ ngoại hối** |  |
| 1.1 | Ngoại tệ |  |
| 1.2 | Vàng |  |
| **2** | **Quỹ Bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng** |  |
| 2.1 | Ngoại tệ |  |
| 2.2 | Vàng |  |
| **3** | **Tiền gửi ngoại tệ và vàng của Kho bạc Nhà nước, tổ chức tín dụng tại Ngân hàng Nhà nước và các nguồn ngoại hối khác** |  |
| 3.1 | Kho bạc Nhà nước |  |
| 3.2 | Tổ chức tín dụng |  |
| 3.3 | Các nguồn ngoại hối khác |  |
| **4** | **Tổng dự trữ ngoại hối nhà nước** |  |
| **5** | **Trích Quỹ Dự trữ ngoại hối trong năm …** |  |
| 5.1 | …. |  |
| … | …. |  |

*Hà Nội, ngày ….tháng ….năm ……*

**Lập biểu Kiểm soát Thủ trưởng đơn vị**

***1. Đối tượng áp dụng:***

- Sở Giao dịch thực hiện đến khi Thống đốc quyết định giao cho Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước.

- Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước nhà nước thực hiện kể từ khi Thống đốc quyết định giao cho Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước.

***2. Thời hạn gửi báo cáo:*** Ngày làm việc ngay sau ngày báo cáo.

***3. Hình thức báo cáo:*** Văn bản hoặc báo cáo điện tử.

***4. Đơn vị nhận báo cáo:*** Thống đốc, các Phó Thống đốc có liên quan, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Kiểm toán nội bộ, Vụ Dự báo, thống kê.

***5. Hướng dẫn lập báo cáo:***

- Tỷ giá để quy đổi từ các loại ngoại tệ ra USD là tỷ giá do Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước nhà nước xác định trên cơ sở tỷ giá bình quân của giá mua và giá bán được niêm yết trên Refinitiv trước 10 giờ sáng ngày báo cáo.

- Giá vàng để quy đổi ra USD là giá vàng do Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước nhà nước xác định hàng ngày.

- Các số liệu trong báo cáo là giá trị ghi sổ trên tài khoản kế toán vào ngày báo cáo.

- Chỉ tiêu 1.2 và 2.2 phản ánh số dư vàng quy USD của Quỹ Dự trữ ngoại hối và Quỹ Bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng bao gồm: vàng tại kho, vàng trên tài khoản của Ngân hàng Nhà nước ở nước ngoài, vàng đang trên đường vận chuyển.

- Chỉ tiêu 4 = Chỉ tiêu 1 + Chỉ tiêu 2 + Chỉ tiêu 3.

**PHỤ LỤC SỐ 02**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2023/TT-NHNN ngày 12/10/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**Đơn vị báo cáo: …….**

**BÁO CÁO CƠ CẤU DỰ TRỮ NGOẠI HỐI CHÍNH THỨC**

*(Ngày …tháng … năm….)*

*Đơn vị: Nguyên tệ, USD, kg, Phần trăm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Chỉ tiêu** | **Quỹ Dự trữ ngoại hối** | | | | **Quỹ Bình ổn tỷ giá và quản lý**  **thị trường vàng** | | | |
|  |  | Nguyên tệ | Quy USD | | Tỷ lệ | Nguyên tệ | Quy USD | | Tỷ lệ |
|  | (1) | (2) | (3) | | (4) | (5) | (6) | | (7) |
| **1**  1.1  1.2  1.3  1.4  1.5  1.6  1.7  … | **Cơ cấu theo ngoại tệ**  USD  EUR  JPY  GBP  SDR  CHF  AUD  … |  |  | |  |  |  | |  |
| **2**  2.1  2.2  2.3  2.4 | **Cơ cấu theo thời hạn đầu tư ngoại tệ**  Không kỳ hạn  Có kỳ hạn dưới 01 năm  Có kỳ hạn từ 01 đến dưới 03 năm  Có kỳ hạn từ 03 năm trở lên |  |  | |  |  |  | |  |
| **3**  ***3.1***  3.1.1  3.1.2  ***3.2***  *3.2.1*  *3.2.2*  *…*  ***3.3***  ***3.4*** | **Cơ cấu theo hình thức đầu tư ngoại tệ**  ***Tiền gửi***  *Trong đó:* Ngoại tệ còn lại được phép để mua vàng trên thị trường quốc tế (\*)  Không kỳ hạn  Có kỳ hạn  ***Chứng khoán, giấy tờ có giá***  Trái phiếu Chính phủ Mỹ  Trái phiếu Chính phủ Đức  …  ***Ủy thác đầu tư***  ***Hình thức đầu tư khác*** |  |  | |  |  |  | |  |
| **4**  ***4.1***  4.2  … | **Cơ cấu vàng**(khối lượng, giá trị vàng)  Vàng tiêu chuẩn quốc tế  Vàng miếng  … |  | | | |  | | | |
| **5** | **Số dư ngoại tệ quy USD** |  | | | |  | | | |
| **6**  ***6.1***  ***6.2***  ***…*** | **Nghiệp vụ ngoại hối phái sinh**  ***Nghiệp vụ A***  ***Nghiệp vụ B***  ***…*** | **Nguyên tệ** | | **Quy USD** | | **Nguyên tệ** | | **Quy USD** | |
|  | |  | |  | |  | |

*Hà Nội, ngày ….tháng ….năm ……*

**Lập biểu Kiểm soát Thủ trưởng đơn vị**

***1. Đối tượng áp dụng:*** Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước.

***2. Thời hạn gửi báo cáo:*** Muộn nhất ngày 05 của tháng ngay sau tháng báo cáo.

***3. Hình thức báo cáo:*** Văn bản hoặc báo cáo điện tử.

***4. Đơn vị nhận báo cáo:*** Thống đốc, các Phó Thống đốc có liên quan, Vụ Kiểm toán nội bộ, Vụ Dự báo, thống kê, Vụ Ổn định tiền tệ - tài chính.

***5. Hướng dẫn lập báo cáo:***

- Tỷ giá để quy đổi từ các loại ngoại tệ ra USD là tỷ giá do Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước xác định trên cơ sở tỷ giá bình quân của giá mua và giá bán được niêm yết trên Refinitiv trước 10 giờ sáng ngày báo cáo.

- Giá vàng để quy đổi ra USD là giá vàng do Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước xác định hàng ngày.

- Các số liệu trong báo cáo là giá trị ghi sổ trên tài khoản kế toán vào ngày báo cáo.

- Chỉ tiêu 5 phản ánh: Số dư ngoại tệ quy USD của Quỹ Dự trữ ngoại hối; Số dư ngoại tệ quy USD của Quỹ Bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng.

- Cột (4) = Cột (3)/Số dư ngoại tệ quy USD của Quỹ Dự trữ ngoại hối (Chỉ tiêu 5)\*100.

- Cột (7) = Cột (6)/Số dư ngoại tệ quy USD của Quỹ Bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng (Chỉ tiêu 5)\*100.

- (\*) Ngoại tệ còn lại được phép mua vàng trên thị trường quốc tế là số dư ngoại tệ còn được sử dụng trong mức ngoại tệ tối đa để mua vàng trên thị trường quốc tế của Quỹ Bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng.

**PHỤ LỤC SỐ 03**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2023/TT-NHNN ngày 12/10/2023*

*của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**Đơn vị báo cáo: …….**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH MUA BÁN VÀ SỬ DỤNG**

**DỰ TRỮ NGOẠI HỐI NHÀ NƯỚC**

*(Tháng ….năm….)*

*Đơn vị: USD*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Chỉ tiêu** | **Số tiền (\*)** |
| **Quỹ Dự trữ ngoại hối** | | |
| **1** | **Thu** |  |
| 1.1  1.2  1.2.1  1.2.2  …  1.3 | Thu hồi tạm ứng  Thu nợ cho vay từ Bộ Tài chính  Đối tượng vay A  Đối tượng vay B  …  Điều chuyển từ Quỹ Bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng |  |
| **2** | **Chi** |  |
| 2.1  2.1.1  2.1.2  …  2.2 | Trích ngoại tệ chuyển cho Bộ Tài chính  Đối tượng A  Đối tượng B  …  Điều chuyển sang Quỹ Bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng |  |
| **3** | **Hoán đổi với Quỹ Bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng (\*\*)** |  |
| **4** | **Hoán đổi theo thỏa thuận hoán đổi tiền tệ song phương và đa phương (\*\*)** |  |
| 4.1  4.2 | Ngân hàng trung ương  Tổ chức tài chính quốc tế |  |
| **Quỹ Bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng** | | |
| **1** | **Thu** |  |
| 1.1  1.2  1.3  1.4  1.5 | Mua từ Bộ Tài chính  Mua từ các tổ chức tín dụng  Mua từ các tổ chức quốc tế  Mua khác  Điều chuyển từ Quỹ Dự trữ ngoại hối |  |
| **2** | **Chi** |  |
| 2.1  2.2  2.2.1  2.2.2  2.3  2.4 | Bán cho Bộ Tài chính  Bán cho các tổ chức tín dụng  Bán cho các dự án được Chính phủ bảo lãnh và cam kết chuyển đổi ngoại tệ  Bán cho các mục đích khác  Hình thức can thiệp ngoại tệ khác  Điều chuyển sang Quỹ Dự trữ ngoại hối |  |
| **3** | **Vàng thuộc Quỹ Bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng** |  |
| 3.1  3.2  3.3 | Mua vàng từ thị trường  Bán vàng can thiệp thị trường  Hình thức can thiệp vàng khác |  |
| **4** | **Hoán đổi với Quỹ Dự trữ ngoại hối (\*\*)** |  |
| **Tiền gửi ngoại tệ và vàng của Kho bạc Nhà nước, các tổ chức tín dụng**  **tại Ngân hàng Nhà nước và các nguồn ngoại hối khác** | | |
| **1** | **Gửi ngoại tệ và vàng** |  |
| 1.1  1.2  1.3 | Kho bạc Nhà nước  Tổ chức tín dụng  Các nguồn ngoại hối khác |  |
| **2** | **Rút ngoại tệ và vàng** |  |
| 2.1  2.2  2.3 | Kho bạc Nhà nước  Tổ chức tín dụng  Các nguồn ngoại hối khác |  |
| **Thu nhập và chi phí đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước** | | |
| **1** | **Thu nhập** |  |
| 1.1  1.2 | Từ đầu tư dự trữ ngoại hối chính thức  Từ đầu tư tiền gửi ngoại tệ và vàng của Kho bạc Nhà nước, các tổ chức tín dụng tại Ngân hàng Nhà nước và các nguồn ngoại hối khác |  |
| **2** | **Chi phí** |  |
| 2.1  2.2 | Từ đầu tư dự trữ ngoại hối chính thức  Từ đầu tư tiền gửi ngoại tệ và vàng của Kho bạc Nhà nước, các tổ chức tín dụng tại Ngân hàng Nhà nước và các nguồn ngoại hối khác |  |

*Hà Nội, ngày ….tháng ….năm ……*

**Lập biểu Kiểm soát Thủ trưởng đơn vị**

***1. Đối tượng áp dụng:***

- Sở Giao dịch thực hiện đến khi Thống đốc quyết định giao cho Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước.

- Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước nhà nước thực hiện kể từ khi Thống đốc quyết định giao cho Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước.

***2. Thời hạn gửi báo cáo:*** Muộn nhất ngày 05 của tháng ngay sau tháng báo cáo.

***3. Hình thức báo cáo:*** Văn bản hoặc báo cáo điện tử.

***4. Đơn vị nhận báo cáo:*** Thống đốc, các Phó Thống đốc có liên quan, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Kiểm toán nội bộ, Vụ Dự báo, thống kê.

***5. Hướng dẫn lập báo cáo:***

- Tỷ giá để quy đổi từ các loại ngoại tệ ra USD là tỷ giá do Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước xác định trên cơ sở tỷ giá bình quân của giá mua và giá bán được niêm yết trên Refinitiv trước 10 giờ sáng ngày báo cáo.

- Giá vàng để quy đổi ra USD là giá vàng do Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước xác định hàng ngày.

- Các số liệu trong báo cáo là giá trị ghi sổ trên tài khoản kế toán vào ngày báo cáo.

- (\*) Số tiền = Số tiền theo nguyên tệ phát sinh trong kỳ \* Tỷ giá nguyên tệ/Tỷ giá USD.

- (\*\*) Việc hoán đổi không thay đổi số dư quy USD của hai Quỹ tại thời điểm hoán đổi. Sau thời điểm hoán đổi, giá trị khoản hoán đổi sẽ được đánh giá lại theo quy định hiện hành.

**PHỤ LỤC SỐ 04**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2023/TT-NHNN ngày 12/10/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**Đơn vị báo cáo: …….**

**BÁO CÁO KHỐI LƯỢNG VÀNG TRONG KHO**

*(Quý….năm….)*

*Đơn vị: Kg*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Chỉ tiêu** | **Vàng tiêu chuẩn quốc tế** | **Vàng miếng** | **Vàng khác** |
| 1 | **Kho 1** |  |  |  |
| 2 | **Kho 2** |  |  |  |
| 3 | **Tổng** |  |  |  |

*Hà Nội, ngày ….tháng ….năm ……*

**Lập biểu Kiểm soát Thủ trưởng đơn vị**

***1. Đối tượng áp dụng:*** Cục Phát hành và Kho quỹ.

***2. Thời hạn gửi báo cáo:*** Muộn nhất ngày 15 tháng đầu của quý ngay sau quý báo cáo. Trường hợp có thay đổi khối lượng vàng tồn kho, Cục Phát hành và Kho quỹ báo cáo ngay khi có thay đổi.

***3. Hình thức báo cáo:*** Văn bản hoặc báo cáo điện tử.

***4. Đơn vị nhận báo cáo:*** Thống đốc, các Phó Thống đốc có liên quan, Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước, Vụ Quản lý ngoại hối, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Kiểm toán nội bộ.

***5. Hướng dẫn lập báo cáo:*** Chỉ tiêu 3 = Chỉ tiêu 1 + Chỉ tiêu 2.

**PHỤ LỤC SỐ 05**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2023/TT-NHNN ngày 12/10/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**Đơn vị báo cáo: …….**

**BÁO CÁO DỰ KIẾN TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN CỦA CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ**

*(Năm …)*

*Đơn vị: Nguyên tệ, USD*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Chỉ tiêu** | **Tổng số tiền giải ngân dự kiến của Chương trình/dự án** | | **Số tiền dự kiến giải ngân** | | | |
|  |  | **Nguyên tệ** | **Quy USD** | **Quý I** | **Quý II** | **Quý III** | **Quý IV** |
| 1 | Chương trình/dự án A |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Chương trình/dự án B |  |  |  |  |  |  |
| … | … |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số:** | |  |  |  |  |  |  |

*Hà Nội, ngày ….tháng ….năm ……*

**Lập biểu Kiểm soát Thủ trưởng đơn vị**

***1. Đối tượng áp dụng:*** Vụ Hợp tác quốc tế.

***2. Thời hạn gửi báo cáo:*** Muộn nhất ngày 31/01 của năm báo cáo.

***3. Hình thức báo cáo:*** Văn bản hoặc báo cáo điện tử.

***4. Đơn vị nhận báo cáo:*** Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước.

***5. Hướng dẫn lập báo cáo:***

- Tỷ giá để quy đổi từ các loại ngoại tệ ra USD là tỷ giá mua tham khảo do Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước niêm yết trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm báo cáo.

- Tổng số = Chỉ tiêu 1 + Chỉ tiêu 2 + …

**PHỤ LỤC SỐ 06**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2023/TT-NHNN ngày 12/10/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**Đơn vị báo cáo: …….**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ DỰ TRỮ NGOẠI HỐI NHÀ NƯỚC**

**TẠI NƯỚC NGOÀI**

*(Tháng….năm…)*

**Bảng A. Đầu tư ngoại tệ thuộc dự trữ ngoại hối nhà nước tại nước ngoài**

*Đơn vị: Nguyên tệ, USD, Phần trăm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Loại ngoại tệ** | **Nguyên tệ** | **Quy USD** | **Số dư quy USD** | | | | | **Tỷ trọng theo**  **ngoại tệ** |
| **Tiền gửi**  **không kỳ hạn** | **Tiền gửi**  **có kỳ hạn** | **Trái phiếu**  **Chính phủ** | **Ủy thác**  **đầu tư** | **Hình thức**  **đầu tư khác** |
|  | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) |
| 1 | USD |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | EUR |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | JPY |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | GBP |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … | …. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Bảng B**. **Đầu tư vàng thuộc dự trữ ngoại hối nhà nước tại nước ngoài**

*Đơn vị: USD*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Chỉ tiêu** | **Số dư** |
| 1 | Vàng tiêu chuẩn quốc tế |  |
| 2 | Vàng tài khoản |  |
| … | … |  |
| **Tổng** | |  |

*Hà Nội, ngày ….tháng ….năm ……*

**Lập biểu Kiểm soát Thủ trưởng đơn vị**

***1. Đối tượng áp dụng:*** Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước.

***2. Thời hạn gửi báo cáo:*** Muộn nhất ngày 15 của tháng ngay sau tháng báo cáo.

***3. Hình thức báo cáo:*** Văn bản hoặc báo cáo điện tử.

***4. Đơn vị nhận báo cáo:*** Thống đốc, các Phó Thống đốc có liên quan, Vụ Kiểm toán nội bộ, Vụ Ổn định tiền tệ - tài chính.

***5. Hướng dẫn lập báo cáo:***

- Tỷ giá để quy đổi từ các loại ngoại tệ ra USD là tỷ giá do Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước xác định trên cơ sở tỷ giá bình quân của giá mua và giá bán được niêm yết trên Refinitiv trước 10 giờ sáng ngày báo cáo.

- Giá vàng để quy đổi ra USD là giá vàng do Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước xác định hàng ngày.

- Các số liệu trong báo cáo là giá trị ghi sổ trên tài khoản kế toán vào ngày báo cáo.

- Bảng A: Cột (9) = Cột (3)/Tổng Cột (3)\*100.

- Bảng B: Chỉ tiêu 1 phản ánh số dư vàng tiêu chuẩn quốc tế dưới dạng vàng vật chất được đầu tư ở nước ngoài.

**PHỤ LỤC SỐ 07**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2023/TT-NHNN ngày 12/10/2023*

*của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**Đơn vị báo cáo: …….**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ DỰ TRỮ NGOẠI HỐI NHÀ NƯỚC**

**TẠI NƯỚC NGOÀI THEO ĐỐI TÁC ĐẦU TƯ**

*(Tháng….năm….)*

*Đơn vị: Nguyên tệ, USD*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Chỉ tiêu** | **Loại ngoại tệ** | **Số dư cuối kỳ** | |
| **Nguyên tệ** | **Quy USD** |
| ***1*** | ***Tổng tiền gửi không kỳ hạn*** | | | |
| *1.1*  *1.2*  *…* | *Đối tác A*  *Đối tác B*  *…..* |  |  |  |
| ***2*** | ***Tổng tiền gửi có kỳ hạn*** | | | |
| *2.1*  *2.2*  *…* | *Đối tác A*  *Đối tác B*  *…..* |  |  |  |
| ***3*** | ***Tổng trái phiếu*** | | | |
| *3.1*  *3.2*  *…* | *Trái phiếu Chính phủ Mỹ*  *Trái phiếu Chính phủ Đức*  ***….*** |  |  |  |
| ***4*** | ***Tổng ủy thác đầu tư*** | | | |
| *4.1*  *4.2*  *…* | *Đối tác A*  *Đối tác B*  *…..* |  |  |  |
| ***5*** | ***Tổng đầu tư vàng*** | | | |
| *5.1*  *5.2*  *…* | *Đối tác A*  *Đối tác B*  *…..* |  |  |  |
| ***6*** | ***Tổng hình thức đầu tư khác*** | | | |
| ***6.1***  *6.1.1*  *6.1.2*  *…*  ***6.2***  *6.2.1*  *6.2.2*  *…* | ***Hình thức 1***  *Đối tác A*  *Đối tác B*  *…*  ***Hình thức 2***  *Đối tác A*  *Đối tác B*  *…* |  |  |  |
| **Tổng** | |  |  |  |

*Hà Nội, ngày ….tháng ….năm ……*

**Lập biểu Kiểm soát Thủ trưởng đơn vị**

***1. Đối tượng áp dụng:*** Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước.

***2. Thời hạn gửi báo cáo:*** Muộn nhất ngày 15 của tháng ngay sau tháng báo cáo.

***3. Hình thức báo cáo:*** Văn bản hoặc báo cáo điện tử.

***4. Đơn vị nhận báo cáo:*** Thống đốc, các Phó Thống đốc có liên quan, Vụ Kiểm toán nội bộ, Vụ Ổn định tiền tệ - tài chính.

***5. Hướng dẫn lập báo cáo:***

- Tỷ giá để quy đổi từ các loại ngoại tệ ra USD là tỷ giá do Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước xác định trên cơ sở tỷ giá bình quân của giá mua và giá bán được niêm yết trên Refinitiv trước 10 giờ sáng ngày báo cáo.

- Giá vàng để quy đổi ra USD là giá vàng do Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước xác định hàng ngày.

- Các số liệu trong báo cáo là giá trị ghi sổ trên tài khoản kế toán vào ngày báo cáo.

-Chỉ tiêu 1 = Chỉ tiêu 1.1 + Chỉ tiêu 1.2 + …

- Chỉ tiêu 2= Chỉ tiêu 2.1 + Chỉ tiêu 2.2 + …

- Chỉ tiêu 3= Chỉ tiêu 3.1 + Chỉ tiêu 3.2 + …

- Chỉ tiêu 4= Chỉ tiêu 4.1 + Chỉ tiêu 4.2 + …

- Chỉ tiêu 5= Chỉ tiêu 5.1 + Chỉ tiêu 5.2 + …

- Chỉ tiêu 6= Chỉ tiêu 6.1 + Chỉ tiêu 6.2 + …

- Chỉ tiêu 6.1 = Chỉ tiêu 6.1.1 + Chỉ tiêu 6.1.2 + …

- Chỉ tiêu 6.2 = Chỉ tiêu 6.2.1 + Chỉ tiêu 6.2.2 + …

- Tổng = Chỉ tiêu 1 + Chỉ tiêu 2 + Chỉ tiêu 3 + Chỉ tiêu 4 + Chỉ tiêu 5 + Chỉ tiêu 6.

**PHỤ LỤC SỐ 08**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2023/TT-NHNN ngày 12/10/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**Đơn vị báo cáo: …….**

**BÁO CÁO TỶ TRỌNG CÁC LOẠI NGOẠI TỆ MUA BÁN GIỮA CÁC TCTD VÀ KHÁCH HÀNG**

*(Từ tháng…năm… đến tháng…năm….)*

*Đơn vị: Nguyên tệ, USD, Phần trăm*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Loại ngoại tệ** | **Nguyên tệ** | **Quy USD** | **Tỷ trọng** |
|  | (1) | (2) | (3) | (4) |
| 1 | USD |  |  |  |
| 2 | EUR |  |  |  |
| 3 | JPY |  |  |  |
| … | ….. |  |  |  |
| **Tổng** | |  |  |  |

*Hà Nội, ngày ….tháng ….năm ……*

**Lập biểu Kiểm soát Thủ trưởng đơn vị**

***1. Đối tượng áp dụng:*** Vụ Chính sách tiền tệ.

***2. Thời hạn gửi báo cáo:*** Muộn nhất ngày cuối cùng của tháng 02 và tháng 8 năm báo cáo.

***3. Hình thức báo cáo:*** Văn bản hoặc báo cáo điện tử.

***4. Đơn vị nhận báo cáo:*** Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước.

***5. Hướng dẫn lập báo cáo:***

- Tỷ giá để quy đổi từ các loại ngoại tệ ra USD là tỷ giá xác định trên cơ sở tính chéo giữa tỷ giá ngoại tệ đó với VND và tỷ giá giữa USD và VND được niêm yết trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam vào cuối ngày phát sinh giao dịch.

- Cột (4) = Cột (3)/Tổng Cột (3)\*100.

**PHỤ LỤC SỐ 09**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2023/TT-NHNN ngày 12/10/2023*

*của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**Đơn vị báo cáo: …….**

**BÁO CÁO SỐ DƯ TIỀN GỬI NGOẠI TỆ VÀ VÀNG**

**CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC, TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

**TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VÀ CÁC NGUỒN NGOẠI HỐI KHÁC**

*(Ngày ….tháng….năm….)*

*Đơn vị: USD*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Chỉ tiêu** | **Số dư** |
| 1 | Kho bạc Nhà nước |  |
| 2 | Tổ chức tín dụng |  |
| 3 | Các nguồn ngoại hối khác |  |
| **4** | **Tổng** |  |

*Hà Nội, ngày ….tháng ….năm ……*

**Lập biểu Kiểm soát Thủ trưởng đơn vị**

***1. Đối tượng áp dụng:*** Sở Giao dịch.

***2. Thời hạn gửi báo cáo:*** Ngày làm việc ngay sau ngày báo cáo.

***3. Hình thức báo cáo:*** Văn bản hoặc báo cáo điện tử.

***4. Đơn vị nhận báo cáo:*** Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước, Vụ Kiểm toán nội bộ.

***5. Hướng dẫn lập báo cáo:***

- Tỷ giá để quy đổi từ các loại ngoại tệ ra USD là tỷ giá do Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước xác định trên cơ sở tỷ giá bình quân của giá mua và giá bán được niêm yết trên Refinitiv trước 10 giờ sáng ngày báo cáo.

- Giá vàng để quy đổi ra USD là giá vàng do Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước xác định hàng ngày.

- Các số liệu trong báo cáo là giá trị ghi sổ trên tài khoản kế toán vào ngày báo cáo.

- Chỉ tiêu 4 = Chỉ tiêu 1 + Chỉ tiêu 2 + Chỉ tiêu 3.